

Số: 08/2026/QĐST-DS

VL, ngày 15 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 102/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Hồng Ng, sinh năm 1958; Địa chỉ: 242A/29 ấp VH I, xã VT huyện CL tỉnh BT.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1983; Địa chỉ: 242A/29 ấp VH I, xã VT, huyện CL, tỉnh BT.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp Đông Nam, xã VT, huyện CL, tỉnh BT.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 1986; Địa chỉ: 242A/29 ấp VH I, xã VT, huyện CL, tỉnh BT.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Lê Thị Hồng Ng, bà Nguyễn Thị Hồng D, ông Nguyễn Ngọc Tài, bà Nguyễn Thị Ngọc Tiên đều thống nhất thỏa thuận phân chia di sản của ông Nguyễn Ngọc Phước (đã mất năm 2021) để lại như sau:

2.1. Bà Lê Thị Hồng Ng được toàn quyền sử dụng, định đoạt đối với phần đất và căn nhà nằm trên phần đất thửa 119, tờ bản đồ số 34, diện tích

48,8m², tọa lạc ấp VH I, xã VT, huyện CL, tỉnh BT (nay là ấp VH I, xã VT, tỉnh VL).

Phần đất thửa 119 có tứ cận:

Đông giáp thửa 94 của ông Nguyễn Văn Tr.

Tây giáp thửa 118 của ông Lê Văn Đ.

Nam giáp đường.

Bắc giáp cống thoát nước (rạch).

(Có họa đồ thửa đất kèm theo).

Căn nhà có kết cấu khung bê tông cốt thép, tường gạch, sàn bê tông cốt thép, mái lợp tole tráng kẽm, nền lát gạch bông. Nhà có 2 tầng:

Tầng 1: có chiều dài 10,56m và 11,03m, chiều rộng 4,5m và 4,56m, diện tích 48,8m². Tỷ lệ chất lượng còn lại là 30%.

Tầng 2: có chiều dài 12,03m (10,56m+1,47m) và 12,5m (11,03m+1,47m), chiều rộng 4,50m và 4,57m, diện tích sàn tầng 55,5m². Tỷ lệ chất lượng còn lại là 30%.

2.2. Ghi nhận bà Lê Thị Hồng Ng đồng ý có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng D giá trị 1 kỷ phần di sản mà bà D được hưởng từ ông Phước là 1/8 giá trị đất và nhà nằm trên phần đất thửa 119, tờ bản đồ số 34, tọa lạc ấp VH I, xã VT, huyện CL, tỉnh BT (nay là ấp VH I, xã VT, tỉnh VL), tương ứng số tiền là 200.000.000đồng. Bà Lê Thị Hồng Ng đồng ý cho bà Nguyễn Thị Hồng D tiếp tục cư trú tại phần căn nhà trên phần đất trong thời hạn 7 tháng kể từ ngày 07/01/2026.

Đối với phần nhà thuộc do bà D xây dựng để kinh doanh, buôn bán thuốc tây, các vách tủ quầy thuốc không có quy định trong bảng giá nhà và vật kiến trúc do UBND tỉnh ban hành, có thể tháo dỡ, di dời được, bà D đồng ý tự tháo dỡ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Ông Nguyễn Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Ngọc T2 đồng ý giao lại giá trị kỷ phần thừa kế mà ông Tài, bà Tiên được hưởng từ ông Phước cho bà Lê Thị Hồng Ng quản lý, sử dụng và đứng tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và không yêu cầu Tòa giải quyết.

2.4. Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.5. Bà Lê Thị Hồng Ng có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 119, tờ bản đồ số 34, tọa lạc ấp VH I, xã VT, huyện CL, tỉnh BT (nay là ấp VH I, xã VT, tỉnh VL) theo quy định.

2.6. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng D đối với yêu cầu các đồng thừa kế (bao gồm bà Lê Thị Hồng Ng, Nguyễn Ngọc Tài, Nguyễn Thị Ngọc Tiên) phải thanh toán cho bà D là: 186.123.805đồng.

2.7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Hồng Ng là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn tiền án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng D phải chịu tiền án phí có giá ngạch là 5.000.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền bà D đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0007442 ngày 27/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh VL. Hoàn trả cho bà D số tiền chênh lệch còn lại là 3.540.000đ (Ba triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

2.8. Về chi phí tố tụng: 5.548.820đồng

Bà Lê Thị Hồng Ng tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 5.548.820đồng, đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 6 - VL;
- Thi hành án dân sự tỉnh VL;
- Phòng GDKT, TT&THA TAND tỉnh VL;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP, BP.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên và đóng dấu)